

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 175/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 28-6-2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Như

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Đồi

Ông Nguyễn Chí Lin

- Thư ký phiên tòa: Bà Kiều Thị Tùng Khương là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 28 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 706/2024/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 177/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Phương L, sinh năm 1984;

Bị đơn: Ông Nguyễn Điền L1, sinh năm 1985;

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện Đ, tỉnh Long An.

(bà L, ông L1 có đơn xin xét xử vắng mặt, ông L1 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/4/2024, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà L trình bày:

Bà và ông L1 có tìm hiểu nhau, sau đó đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Đ, tỉnh Long An vào ngày 27/12/2011. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung. Bà nhận thấy, tình cảm vợ chồng đã rạn nứt không thể hàn gắn được nữa nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông L1.

Về con chung: Bà và ông **L1** có 01 con chung tên **Nguyễn Tứ T**, sinh ngày 26/9/2012, con chung hiện đang ở cùng với bà, khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông **L1** cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Vì bận công việc nên bà **L** đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bà.

Bị đơn ông **Nguyễn Điền L1** có ý kiến tại bản tự khai như sau:

Ông đồng ý yêu cầu của bà **L** về việc ly hôn với ông. Về con chung, ông và bà **L** có 01 con chung tên **Nguyễn Tứ T**, sinh ngày 26/9/2012, con chung hiện đang ở cùng với bà **L**, khi ly hôn ông đồng ý giao con chung cho bà **L** trực tiếp nuôi dưỡng con chung, ông không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Vì bận công việc, ông đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt ông trong suốt quá trình tố tụng không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà **Lê Thị Phương L** khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với ông **Nguyễn Điền L1**, ông **L1** đang cư trú tại **xã A, huyện Đ, tỉnh Long An** nên Hội đồng xét xử nhận định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn: Nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về hôn nhân: Bà **L** và ông **L1** tự nguyện sống chung và đã đăng ký kết hôn vào ngày 27/12/2011 tại Ủy ban nhân dân xã **T, huyện Đ, tỉnh Long An** nên hôn nhân giữa bà **L** và ông **L1** là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Bà **L** trình bày quá trình chung sống giữa bà **L** và ông **L1** đã phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, bà kiên quyết yêu cầu Tòa án cho ông ly hôn với ông **L1**. Bị đơn ông **L1** có ý kiến đồng ý việc ly hôn với bà **L** và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt ông suốt quá trình tố tụng. Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà **L** và ông **L1** là có thật, quan hệ hôn nhân của hai bên đã lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ

chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, việc bà **L** kiên quyết ly hôn với ông **L1** là có cơ sở, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Có 01 con chung tên **Nguyễn Tứ T**, sinh ngày 26/9/2012, con chung hiện đang ở cùng bà **L** và bà **L** có yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, yêu cầu này được ông **L1** đồng ý nên cần giao con chung cho bà **Liên tiếp t** nuôi dưỡng, ông **L1** không phải cấp dưỡng nuôi con do bà **L** không có yêu cầu.

[2.3] Về chia tài sản chung, nợ chung: nguyên đơn không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Buộc bà **Lê Thị Phương L** phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 18, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà **Lê Thị Phương L** về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” đối với ông **Nguyễn Điền L1**.

Về hôn nhân: Bà **Lê Thị Phương L** được ly hôn với ông **Nguyễn Điền L1**.

Về nuôi con chung: Giao con chung tên **Nguyễn Tứ T**, sinh ngày 26/9/2012, cho bà **Liên tiếp t** nuôi dưỡng, ông **L1** không phải cấp dưỡng nuôi con do bà **L** không có yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Tòa án không giải quyết.

2. Về án phí: Buộc bà **Lê Thị Phương L** phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, khấu trừ vào 300.000 đồng số tiền tạm ứng án phí mà bà **L** đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004701 ngày 28/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, bà **L** đã nộp đủ.

3. Án xử sơ thẩm công khai đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- UBND xã An Ninh Đông, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An (*để biết*);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Ngọc Như